TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH A** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 09 – 5 – 2023
V/v không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Đô

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Phước Trung.

2. Bà Trần Thị Kim Thắm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Văn Thị Dung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Huyền Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 366/2022/TL.ST-HNGĐ, ngày 12 tháng 10 năm 2022 về việc không công nhận quan hệ vợ chồng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 35/2023/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn*:* Bà Lê Thị Mỹ N, sinh năm 1981 (yêu cầu xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 6, xã Tân H, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

Bị đơn: Ông Võ Minh T, sinh năm 1980 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Trường T, xã Trường Long T, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Lê Thị Mỹ N trình bày:

Bà và ông Võ Minh T quen biết nhau, sau một thời gian tìm hiểu thì tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Cuộc sống vợ chồng lúc đầu rất hạnh phúc, nhưng đến đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, trong cách chăm sóc gia đình và giáo dục con chung. Từ đó không tìm được tiếng nói chung khiến hôn nhân đã rơi vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn

nhân không đạt được. Nhận thấy không thể hàn gắn được nên bà làm đơn yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông Võ Minh T.

Về con chung: Bà và ông Võ Minh T có 02 con chung tên Võ Thị Thùy T (nữ) sinh ngày 16/10/2002 và Võ Minh P (nam) sinh ngày 04/01/2018. Hiện con chung Võ Thị Thùy T đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Riêng con chung tên Võ Minh P hiện đang sống với bà nên sau khi ly hôn bà yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi dưỡng cháu và không yêu cầu ông T cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết .

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Quá trình tố tụng tại Tòa án, ông Võ Minh T dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông T đối với vụ án này.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đảm bảo đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ, quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn vắng mặt nhiều lần không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại Điều 227, Điều 228 tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị không công nhận bà Lê Thị Mỹ N và ông Võ Minh T là vợ chồng; Về con chung: Giao 01 con chung tên Võ Minh P (nam) sinh ngày 04/01/2018 cho bà Lê Thị Mỹ N tiếp tục nuôi dưỡng, bà N không yêu cầu ông Võ Minh T cấp dưỡng nuôi con chung. Dành quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung cho ông Võ Minh T không ai được quyền cản trở.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Đề nghị buộc nguyên đơn bà Lê Thị Mỹ N phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Lê Thị Mỹ N và ông Võ Minh T sau một thời gian tìm hiểu nhau và tự nguyện tiến tới hôn nhân, ông bà không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống do phát sinh mâu thuẫn nên bà N yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông Võ Minh T và yêu cầu giải quyết con chung; Ông Võ Minh T có địa chỉ cư trú tại ấp Trường T, xã Trường Long T, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là vụ án hôn nhân và gia đình về việc tuyên bố không công nhận quan

hệ vợ chồng thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị Mỹ N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, ông Võ Minh T do đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 xét xử vắng mặt bà N và ông T.

[3] Về nội dung giải quyết vụ án:

[3.1] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn:

Hôn nhân giữa bà Lê Thị Mỹ N và ông Võ Minh T được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên không được xem là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống bà N và ông T phát sinh mâu thuẫn từ năm 2022 không thể giải quyết được, nguyên nhân là do bất đồng trong cách chăm sóc gia đình và giáo dục con chung, bà N cho rằng cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc và không thể hàn gắn được nữa. Quá trình tố tụng, Tòa án đã tiến hành hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng, ông T dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên hòa giải không thành, bà N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện với ông T, cho thấy hôn nhân của bà N và ông T đã rơi vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà N yêu cầu không công nhận vợ chồng với ông T là có cơ sở. Đến thời điểm Tòa thụ lý giải quyết các đương sự vẫn không đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Vì vậy khi giải quyết việc ly hôn, Hội đồng xét xử căn cứ theo khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận bà N và ông T.

[3.2] Xét yêu cầu nuôi con chung của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy bà Lê Thị Mỹ N và ông Võ Minh T có 02 con chung tên Võ Thị Thùy T (nữ) sinh ngày 16/10/2002 và Võ Minh P (nam) sinh ngày 04/01/2018. Hiện con chung tên Võ Thị Thùy T đã trưởng thành nên không xem xét, giải quyết. Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 15/12/2022, cháu Võ Minh P trình bày ý chí nguyện vọng của mình là sau khi cha mẹ ly hôn, cháu muốn được sống với mẹ. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Võ Minh T đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông T về vấn đề con chung. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận nguyện vọng của cháu Phát, giao cháu Võ Minh P cho bà Lê Thị Mỹ N tiếp tục nuôi dưỡng, bà N không yêu cầu ông Võ Minh T cấp dưỡng nuôi con chung. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông Võ Minh T không ai được quyền cản trở.

[3.3] Về tài sản chung: Không có nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3.4] Về nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3.4] Về án phí: Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án buộc bà Lê Thị Mỹ N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[5] Xét đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp, có cơ sở nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 14, Điều 15, Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Lê Thị Mỹ N và ông Võ Minh T là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Võ Minh P (nam) sinh ngày 04/01/2018 cho bà Lê Thị Mỹ N tiếp tục nuôi dưỡng. Riêng con chung tên Võ Thị Thùy T (nữ) sinh ngày 16/10/2002 đã trưởng thành nên không xem xét, giải quyết. Bà Lê Thị Mỹ N không yêu cầu ông Võ Minh T cấp dưỡng nuôi con chung. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông Võ Minh T không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét, giải quyết .

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Lê Thị Mỹ N phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng). Chuyển 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí bà Lê Thị Mỹ N đã nộp theo biên lai số 0012150 ngày 12 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành A thành tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5. Nguyên đơn bà Lê Thị Mỹ N, bị đơn ông Võ Minh Tân được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- CQ THA DS h.Châu Thành A;
- VKSND h.Châu Thành A;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thành Đô